

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 70/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12 – 12 - 2023.

“Về tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chau Rót Tha;
2. Bà Lê Huỳnh Ngọc Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Ông Chau Pholy – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 233/2023/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2023 về: *“Tranh chấp ly hôn”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Quốc K, sinh năm: 1998; địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp A, xã L, huyện T, tỉnh An Giang

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Nguyệt H, sinh năm: 1998; địa chỉ cư trú: Tổ A, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa, ông K có mặt; bà H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/10/2023 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại tòa, ông Huỳnh Quốc K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông với bà H được hình thành là do tự tìm hiểu, được cha mẹ đứng ra tổ chức đám cưới cho hai người vào năm 2017, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, ngày 07/12/2020. Cuộc sống chung hạnh phúc được đến tháng 12/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà H không quan tâm đời sống gia đình, tự làm ăn mà không thông qua chồng, rồi gây nợ, với những khoản nợ hết sức vô lý mà ông không thể chấp nhận, khi yêu

cầu giải bày thì bà không nêu được, cứ vậy xảy ra nhiều lần, dẫn đến gây cãi, xung đột và ly thân nhau từ tháng 6/2023 đến nay. Trong thời gian ly thân gia đình có hàn gắn nhưng không thành. Hiện vợ chồng không còn tin tưởng nhau, nên nay ông kiên quyết xin ly hôn với bà H.

Về quan hệ con chung: Ông với bà H có 01 con chung tên Huỳnh Chí L, sinh ngày 28/12/2018, hiện do bà H nuôi. Khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung: Ông với bà H không có tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Ông với bà H không có nợ chung.

Tòa án đã thông báo hợp lệ cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, ông K rút lại yêu cầu giải quyết con chung, bảo lưu yêu cầu ly hôn. Riêng bà H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng bà vẫn vắng mặt.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Ông K – bà H chung sống có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà H làm ăn gây nợ dẫn đến gây cãi và ly thân đã lâu, gia đình hàn gắn nhưng không thành, nên ông K xin ly hôn là có căn cứ. Về con chung: Ông K rút lại yêu cầu, nên đề nghị đình chỉ; về tài sản chung, nợ chung không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Ông K khởi kiện ly hôn với bà H là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà H có địa chỉ cư trú tại thị trấn B, huyện T, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền. Bà H được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử vắng mặt theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông K – H kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2017, hôn nhân có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 52 ngày 07/12/2020, nên xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, ông K bảo lưu ý kiến của mình, thể hiện do bà H không quan tâm đời sống gia đình, tự làm ăn mà không thông qua chồng, rồi gây nợ, cứ vậy xảy ra nhiều lần, dẫn đến xung đột và ly thân nhau. Trong thời gian ly thân gia đình có hàn gắn nhưng không thành...

Qua trình bày của ông K, mặc dù bà H vắng mặt, nhưng tại các biên bản xác minh vào ngày 09/11/2023 của Tòa án thể hiện: Hôn nhân giữa K – bà H là do tự tìm hiểu, quá trình chung sống hai người mâu thuẫn dẫn đến ông K đã đánh bà H; bà H bỏ về nhà cha mẹ ruột 3 – 4 lần; lần sau cùng là cách nay khoảng 03 tháng, sau đó bà H bỏ đi làm ăn không về, khả năng hàn gắn lại với ông K là không thể...

Với chứng cứ thu thập vừa nêu, xét trình bày của ông K là có cơ sở, mâu thuẫn giữa ông K – bà H đã thật sự trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông K.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Ông K khai có 01 con chung tên Huỳnh Chí L, sinh ngày 28/12/2018, hiện do bà H nuôi, nhưng tại phiên tòa ông K rút lại yêu cầu giải quyết con chung với bà H. Xét rút yêu cầu của ông K là tự nguyện, nên HĐXX công nhận và đình chỉ yêu cầu nuôi con chung của ông K.

[4] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Ông K khai ông với bà H không có tài sản chung và không có nợ chung. Tuy nhiên do bà H vắng mặt, nên HĐXX không xem xét và không đề cập ở phần quyết định. Nếu sau này bà H có chứng cứ khác chứng minh có tài sản chung, có nợ chung và bà H có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí*: Ông Huỳnh Quốc K là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Quốc K.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Quốc K được ly hôn với bà Nguyễn Thị Nguyệt H.

Về quan hệ con chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Huỳnh Quốc K về yêu cầu con chung giữa ông với bà Nguyễn Thị Nguyệt H.

Về án phí: Ông Huỳnh Quốc K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010235 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn (ông K nộp đủ).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/12/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt

khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- UBND xã Lê Trì;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ

